

Các nguồn ngoại tệ có nguồn gốc rất khác nhau. Do đó, phải lưu tâm đến các nguồn ngoại tệ để tập trung chúng dễ dàng trong tay ngân hàng.

I. CÁC NGUỒN NGOẠI TỆ KHÁC NHAU

1. Ngoại tệ viện trợ không hoàn trả: ngoại tệ này có nhiều trong thời kỳ chiến tranh, ở miền Bắc, có viện trợ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, ở miền Nam, có viện trợ của Mỹ. Thật ra thì cả Mỹ lẫn Liên Xô đều không có giao cho 2 miền đồng USD hay rúp chuyển hoá, mà chỉ cho phép mua hàng từ Liên Xô hay Mỹ. Bộ Thương mại lập chương trình nhập khẩu với tiền viện trợ, còn các nhà nhập khẩu (ở miền Nam) xin cấp giấy phép nhập khẩu và đóng tiền nội cho ngân hàng để nhập hàng viện trợ. Do đó, tiền nội (được phát hành nhiều trong thời gian chiến tranh) ít gây lạm phát vì được thu hút bởi việc các nhà nhập khẩu đóng tiền nội cho ngân hàng để được quyền nhập khẩu. Tiền nội cũng được thu hút bởi các hàng nhập khẩu phải đóng thuế nhập khẩu cao. Tỷ giá miền Nam năm 1955 là 35 đồng Sài Gòn ăn 1 USD, đến ngày 30.4.1975, tỷ giá chỉ là 550 đồng. Như vậy, mức lạm phát trong 20 năm chiến tranh rất khiêm nhường, do miền Nam áp dụng tỷ giá và thuế nhập khẩu linh hoạt, từ từ phá giá đồng bạc Sài Gòn khi tiền Sài Gòn được lạm phát để trả lương cho lính Sài Gòn. Ở miền Bắc, do tỷ giá cố định và không có thuế nhập khẩu, nên ngân hàng không thu được đối giá đồng rúp cao, Bộ Tài chính cũng không thu thuế nhập khẩu nên tác dụng giảm phát của đồng rúp viện trợ không nhiều. Thật ra miền Bắc được quản lý theo chế độ bao cấp và hàng đổi hàng. Chế độ này được tồn tại suốt từ 1950 đến 1975 là nhờ đồng rúp viện trợ không hoàn trả được đổi thành hàng cung cấp cho miền Bắc.

Sau ngày 30.4.75, chế độ bao cấp được thi hành có đổi với miền Nam.

Tuy nhiên, lượng viện trợ chỉ khoảng 1 tỷ rúp/năm không đủ thỏa mãn các nhu cầu máy móc và vật tư. Tỷ giá quá thấp, hàng nhập lại không chịu thuế nhập khẩu, khiến cho hàng nhập khẩu có giá rất rẻ và hàng nội không thể nào cạnh tranh với hàng nhập. Chính vì lý do trên, công nghiệp sắt thép, urê, việc trồng bông v.v.... không sao cạnh tranh được sắt, urê và bông từ Liên Xô đưa vào Việt Nam. Việc sản xuất các loại hàng này chỉ phát triển sau năm 1990, khi viện

Sau khi Liên Xô không còn, nguồn ngoại tệ viện trợ không hoàn trả giảm hẳn. Đến nay viện trợ không hoàn trả chỉ còn rất ít, chủ yếu là từ Nhật. Có ý kiến rằng Nhật hiện nay là nước viện trợ lớn nhất đối với Việt Nam, tuy nhiên, viện trợ của Nhật phần lớn là tiền cho vay với lãi suất thấp, còn phần không hoàn trả rất ít.

2. Ngoại tệ vay: Sau khi Liên Xô không còn thì Việt Nam chỉ nhận được rất ít viện trợ không hoàn trả.

Nguồn ngoại tệ (không có đối giá ngay về phía Việt Nam) là tiền vay của nước ngoài, kể cả phần lớn viện trợ của Nhật. Ngoại tệ vay gồm có nhiều loại: tốt nhất là tín dụng dài hạn được hoàn trả với lãi suất thấp, được các chính phủ và cơ quan tiền tệ quốc tế cấp cho nhà nước để xây dựng một số công trình như điện nước, xa lộ. Loại thứ 2 là vay nóng, ngắn hạn và phải trả lãi cao. Thường các vụ việc cho vay nóng và ngắn hạn, được thực hiện dưới hình thức L/C trả chậm với sự bảo lãnh của ngân hàng Việt Nam. Một số doanh nghiệp như Tamexco, Minh Phụng, Epco đã được ngân hàng bảo lãnh vay khá nhiều tiền

ngoại tệ dưới hình thức L/C trả chậm, đến ngày nợ đáo hạn, không trả được nợ, ngân hàng phải trả thay. Vậy cần phải rất dè dặt đối với các L/C trả chậm và ngân hàng phải kiểm tra xem các người vay tiền có phải vay để đầu tư, mua sắm máy móc hay vay tiền để rút tiền ngân hàng ra, rồi khi nợ bằng ngoại tệ đến ngày đáo hạn, người vay không trả nổi, ngân hàng phải trả thay?

Ngoài L/C trả chậm, được thực hiện với sự bảo lãnh của ngân hàng, còn các hợp đồng đầu tư chui giữa người Việt Nam và người nước ngoài. Ngân hàng nên lưu ý người nước

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ KỸ THUẬT QUẢN LÝ NGOẠI TỆ

LÊ TIẾN HÙNG

trợ Liên Xô không còn.

Do cả Mỹ và Liên Xô đều không giao ngoại tệ rúp hay USD cho 2 miền, mà ngoại tệ viện trợ chỉ thể hiện bằng quyền mua hàng tại Liên Xô hay Mỹ, nên không có vấn đề dùng tiền viện trợ để nhập hàng lậu. Tỷ như ở miền Nam, Bộ Tài chính cấp giấy phép nhập khẩu, các nhà nhập khẩu miền Nam chỉ được quyền nhập khẩu sau khi đóng đủ đối giá tiền viện trợ. Đồng USD hay rúp viện trợ nằm trong tay ngân hàng nên không có việc các tay buôn lậu thu gom ngoại tệ ra biên giới để đổi heroin hay các hàng tiêu dùng khác.

ngoài: nếu cho vay bằng ngoại tệ, thì giao kèo cho vay phải thực hiện qua ngân hàng và ngoại tệ giao cho ngân hàng, người Việt Nam vay tiền chỉ được lãnh đổi giá bằng tiền Việt Nam. Bằng không, ngân hàng đến ngày nợ đáo hạn, ngân hàng sẽ không bán ngoại tệ cho người vay tiền ngoại để người ấy có ngoại tệ trả cho người cho vay tiền nước ngoài.

3. Ngoại tệ xuất khẩu: Đây là loại ngoại tệ do Việt Nam làm sở hữu chủ, loại ngoại tệ này tạo độc lập kinh tế tài chính cho quốc gia. Quốc gia đang phát triển nào xuất khẩu nhiều hơn nhập khẩu sẽ có thặng dư cán thương mại và có dự trữ ngoại tệ dồi dào, không cần vay mượn các nước ngoài, lệ thuộc vào IMF hay các cơ quan nhà nước, cơ quan quốc tế khác. Loại ngoại tệ này có khác so với ngoại tệ viện trợ hay vay nước ngoài. Ngoại tệ viện trợ hay cho vay với lãi suất thấp thường kèm theo một số điều kiện chính trị hay quân sự, tỷ như vào năm 1954, Mỹ viện trợ cho Ngô đình Diệm với điều kiện mặt là Ngô đình Diệm phải huy động toàn bộ nhân vật lực để chống Cộng sản. Ngày nay viện trợ nước ngoài cũng kèm theo một số điều kiện, trong đó điều kiện tối thiểu là Việt Nam phải dùng tiền viện trợ hay tiền vay để mua hàng nước viện trợ, do đó các thỏa thuận viện trợ cho Việt Nam biến thành phương pháp tăng gia xuất khẩu của nước ngoài. Trái lại ngoại tệ do xuất khẩu thì Việt Nam hoàn toàn làm chủ và có quyền sử dụng tùy ý. Cái khác thứ hai là ngoại tệ xuất khẩu tuy thuộc quyền sở hữu Việt Nam, song lại nằm trong tay các nhà xuất khẩu Việt Nam chứ không phải là trong tay ngân hàng hay nhà nước như ngoại tệ viện trợ, do chính phủ Việt Nam đứng ra vay và nhận được tiền ngoại tệ, hoặc quyền sử dụng tiền ngoại tệ để mua hàng của nước cho vay. Do đó ngoại tệ xuất khẩu có khả năng biến thành ngoại tệ trôi nổi nếu không có biện pháp thu hút vào ngân hàng.

Việc thu hút ngoại tệ xuất khẩu vào ngân hàng có thể dựa vào thủ tục thanh toán các số tiền xuất nhập khẩu với các L/C, theo thủ tục này người nhập khẩu ở nước ngoài, qua trung gian ngân hàng nước ngoài, phát hành những L/C hay hối phiếu cam kết trả tiền nhập khẩu cho ngân hàng người xuất khẩu Việt Nam (ngân hàng nhận hối phiếu chứ không phải người xuất khẩu Việt Nam nhận hối phiếu). Từ đó các ngân hàng Việt Nam có thể buộc doanh nghiệp xuất khẩu phải bán cho Ngân hàng Nhà nước 100% ngoại tệ xuất khẩu. Việc này có thể thực hiện khá dễ dàng đối với những vụ việc xuất khẩu cho các nước ở xa Việt Nam. Các ngân hàng Việt Nam khi nhận L/C sẽ

thu ngoại tệ và chỉ trả cho các nhà xuất khẩu Việt Nam đổi giá bằng tiền Việt Nam mà thôi. Có thể buộc người xuất khẩu phải kết hối ngay 100%.

Đối với Trung Quốc, Campuchia và Lào, có biên giới chung Việt Nam, người xuất khẩu thường chở hàng ra biên giới và nhận trực tiếp tiền ngoại sau khi giao hàng. Muốn kết hối ngay được 100%, ngân hàng cần phối hợp với Bộ Thương mại và hải quan nghiên cứu một số biện pháp thích hợp, tỷ như người xuất khẩu trước khi chở hàng qua biên giới cần phải làm 1 bảng kê khai lượng hàng và trị giá hàng Việt Nam xuất khẩu, khi về nước người xuất khẩu phải bán đổi ngoại tệ cho ngân hàng và chỉ được lãnh đổi giá bằng tiền Việt Nam mà thôi. Bên Trung Quốc, Campuchia cũng có những nhu cầu kết hối tương tự như Việt Nam, do đó điều tốt nhất là các bên thảo luận và đồng ý về phương pháp thanh toán và kết hối áp dụng đối với 2 bên cho hợp tình và hợp lý.

Khác biệt thứ hai giữa ngoại tệ viện trợ phải hoàn trả hoặc vay và ngoại tệ xuất khẩu: Đối với ngoại tệ viện trợ phải hoàn trả hoặc vay, phía bên Việt Nam khi nhận tiền không phải có đối giá gì, nhưng đến ngày nợ đáo hạn, Việt Nam phải trả vốn và lãi. Như vậy, cần phải có ngoại tệ để thanh toán nợ đáo hạn. Và việc này chỉ thực hiện được nếu Việt Nam có xuất siêu. Muốn xuất siêu, các số tiền vay phải dùng để tăng gia sản xuất, tăng gia xuất khẩu chứ không phải là dùng để tăng gia tiêu dùng. Đồng thời sản phẩm làm ra phải có thị trường nước ngoài chấp nhận nhập khẩu và trả bằng ngoại tệ. Các điều kiện trên đây thường không có đủ và đến ngày nợ đáo hạn, chúng ta thường phải yêu cầu nước ngoài triển hạn trả nợ, hay xóa bớt 1 phần nợ. Điều này khiến cho nước ngoài không tin vào khả năng hoàn trả của Việt Nam nên họ trở nên đề dặt không cho Việt Nam vay nhiều.

Tiền vay nước ngoài thường dùng để tăng gia nhập khẩu. Lượng hàng đưa vào nước tăng thêm, do ngân hàng buộc người nhập khẩu Việt Nam phải đóng đổi giá ngoại tệ nhập khẩu bằng bạc Việt Nam nên việc tiếp nhận viện trợ, tiền vay được ở nước ngoài thường có tính giảm phát. Trái lại, khi trả tiền ngoại tệ vay của nước ngoài, ngân hàng phải cho lưu hành thêm giấy bạc để mua ngoại tệ, hầu có ngoại tệ đủ để thanh toán nợ đáo hạn, ngoại tệ thanh toán cho ngoại quốc thường là ngoại tệ xuất khẩu. Ngân hàng nhà nước phải tung thêm tiền Việt để mua ngoại tệ xuất khẩu. Do đó việc thu mua ngoại tệ xuất khẩu làm tăng lượng tiền lưu hành và gây lạm phát.

Nói chung, nhập khẩu với tiền vay tạo tác dụng chống lạm phát, do lượng hàng nhập tăng và do người nhập khẩu phải đóng tiền Việt vào ngân hàng để mua ngoại tệ trả cho người xuất khẩu nước ngoài. Còn khi Việt Nam trả tiền vay (nợ và lãi) ngân hàng phải tung tiền Việt để mua ngoại tệ trả cho người cho vay ở nước ngoài, nên việc tung tiền Việt này tạo áp lực lạm phát.

Do đó phải tính toán rất kỹ: chỉ nên dùng tiền vay nước ngoài để thực hiện các dự án đầu tư mà thôi, và việc đầu tư với tiền vay nước ngoài phải có khả năng tạo ngoại tệ để thanh toán nợ nước ngoài, vốn và lãi đến ngày đáo hạn. Nếu phía bên Việt Nam thực hiện được điều này (trả nợ song phẳng, vốn và lãi), thì muốn vay bao nhiêu tiền, nước ngoài cũng có khả năng cho vay. Cái khó là việc vay tiền nước ngoài thường dùng để tăng việc nhập khẩu hàng tiêu dùng, đến ngày nợ đáo hạn, phải xin khất nợ. Nợ cũ chưa trả lãi, lãi với vốn cộng chung lại làm tăng nhanh chóng số nợ quốc tế. Gần đây có ý kiến nên lập 1 Ủy ban đặc trách về việc thanh toán nợ đáo hạn, nhưng xét việc lập các Ủy ban thanh toán nợ nước ngoài khó đạt kết quả, nếu không kèm theo việc xuất siêu thì vẫn không có ngoại tệ trả cho nước ngoài.

4. Ngoại tệ kiều hối và du khách: Đây là nguồn ngoại tệ khá lớn ở Việt Nam và rất quý vì cũng như ngoại tệ xuất khẩu, ngoại tệ kiều hối và du khách hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của Việt Nam. Ngoại tệ du khách thường được gọi là ngoại tệ xuất khẩu nội biên. Kiều hối còn quý hơn ngoại tệ du khách, vì phía Việt Nam khó cần có đối giá nào, còn xuất khẩu nội biên phải có đối giá dịch vụ hay nguồn hàng tại Việt Nam. Tuy nhiên, 2 nguồn ngoại tệ này thường không được thu hút vào ngân hàng và biến thành đồng USD trôi nổi, được các người mua ngoại tệ thu gom và bán cho những người nhập khẩu lậu. Mấy năm gần đây, 2 nguồn ngoại tệ này không ngớt gia tăng, từ đó các người thu gom ngoại tệ càng năm càng hoạt động mạnh và nặn nhập khẩu lậu càng năm càng có quy mô lớn hơn.

Năm 1997-98 lượng du khách và kiều bào về nước khoảng 1.500.000 người. Chỉ ước mỗi du khách và kiều bào tiêu xài mỗi lượt đến hay về Việt Nam mỗi người 2000 USD - con số này rất thấp và thực tế cao hơn nhiều - 1.500.000 du khách và kiều bào về nước chỉ ít ra 3 tỷ USD mỗi năm. Số Việt kiều sống ở nước ngoài lên đến 2 triệu người, và mỗi khi về thăm quê hương, thường đem theo mỗi gia đình hàng nhiều chục ngàn USD. Các kiều bào không về nước cũng thường gửi tiền cho gia đình, khi một kiều bào về

Việt Nam, bạn bè thường giao USD đem về cho gia đình, do đó nhiều người về thăm quê hương mang về đến hàng nhiều chục ngàn, có khi hàng trăm ngàn USD. Lượng tiền kiều bào đem về và gửi về nước thường được ước từ 1 tỷ đến 2-3 tỷ USD. Từ đó, có thể ước lượng USD du khách và kiều bào khoảng 3-4-5 tỷ USD mỗi năm. Chỉ có một số ngoại tệ lớn như trên mới có thể giải thích được vì sao heroin và hàng nhập khẩu lậu hiện nay tràn ngập thị trường Việt Nam, tòa án đã xử tử hình khá nhiều người buôn heroin, nhưng lượng người hít heroin vẫn tăng không giảm, và hàng nước ngoài thường chiếm khối lượng cao hơn hàng nội.

Tuy nhiên, cho đến nay, việc thu hút 2 nguồn ngoại tệ này rất khó thực hiện. Lý do là du khách và kiều bào không muốn đổi USD theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước ấn định mà chỉ muốn đổi với giá cao hơn khoảng 100 đến 200, 300 đồng mỗi USD. Ngay khi du khách hay kiều bào vừa lên xe tắc xi để về TP Hồ Chí Minh, các tài xế đã đề nghị mua USD với giá cao hơn giá ngân hàng. Bất cứ du khách hay kiều bào đi đâu, cũng được đồng đảng tài xế hoặc chủ các khách sạn đề nghị mua đồng USD với giá cao.

Sau đó, họ bán lại cho những người cần ngoại tệ, thường là các người buôn lậu, hoặc những người muốn tẩu tán tài sản để trốn ra nước ngoài. Tất nhiên, những người này sẵn sàng trả giá đồng USD cao hơn nhiều so với giá Ngân hàng Nhà nước ấn định. Từ đó, đồng USD được chuyển qua biên giới và đổi thành heroin, nổi cơn điên, thuốc lá lậu v.v... và theo các đường ngang ngổ tất hàng nhập khẩu lậu, sản phẩm văn hóa đồi trụy, heroin được tung vào Việt Nam.

II. LÀM THẾ NÀO KẾT HỐI 100%

Làm thế nào kết hối 100%, ngân hàng thu được toàn thể ngoại tệ được đưa vào Việt Nam, để có nhiều vốn bằng tiền ngoại tệ, hầu thực hiện nhanh việc công nghiệp hoá, hiện đại hoá Việt Nam? Nếu giải quyết được vấn đề này, thì cũng giải quyết được vấn đề chặn làn sóng nhập khẩu lậu vào Việt Nam, hay vụ việc tẩu tán tài sản ra nước ngoài sau khi thực hiện một số vụ việc lừa đảo như Trần xuân Hoa. Đồng thời cũng giải quyết luôn vấn đề tăng nhịp phát triển kinh tế Việt Nam, vì các doanh nghiệp Việt Nam sẽ cho nhà máy chạy ngày đêm để tăng gia sản.

Hai loại ngoại tệ: ngoại tệ viện trợ và ngoại tệ cho ngân hàng vay, hoặc nhà nước Việt Nam vay được giao cho ngân hàng quản lý, nên kết hối được 100%.

Loại ngoại tệ cho tư nhân và các doanh nghiệp Việt Nam vay, cũng có thể kết hối 100%. Các người cho vay ngoại tệ phải trao ngoại tệ cho ngân hàng, và người vay tiền ngoại tệ chỉ nhận được tiền Việt Nam mà thôi. Bằng không, ngân hàng sẽ không bán ngoại tệ cho những người đã vay ngoại tệ để trả vốn và lãi cho người nước ngoài.

Loại ngoại tệ thứ ba - ngoại tệ xuất khẩu - được kết hối ngay 100% khi ngân hàng người nhập khẩu ở nước ngoài thanh toán L/C cho người xuất khẩu Việt Nam. Theo thông lệ, ngân hàng nước ngoài thanh toán cho ngân hàng Việt Nam chứ không thanh toán cho người xuất khẩu Việt Nam. Do đó, ngân hàng Việt Nam có thể buộc người xuất khẩu Việt Nam kết hối ngay 100%. Với người xuất khẩu qua Trung Quốc, Campuchia, Lào có thể buộc người chở hàng qua những nước này kết hối ngay 100% khi trở về nước.

Chỉ còn vấn đề gay go là ngoại tệ du khách và kiều hối. Du khách khi viếng Việt Nam, có quyền mang theo ngoại tệ, khi đi khắp Việt Nam sẽ dùng tiền ngoại tệ để trả cho các khách sạn, nhà hàng, các tài xế v.v.... Các người này sẽ đề nghị giá cao hơn giá do Ngân hàng Nhà nước ấn định và mua được hầu hết số ngoại tệ mà khách du lịch tiêu xài ở Việt Nam. Tương tự như trên, những kiều bào đem USD trực tiếp cho thân nhân ở Việt Nam và giao thẳng USD cho họ. Hoặc khi muốn dùng USD để thanh toán các phí di chuyển, du lịch, mua hàng tiêu dùng công nghệ đem ra nước ngoài, kiều bào cũng tìm những người thu gom và bán trực tiếp ngoại tệ cho các điểm thu gom và các điểm thu gom ngoại tệ này luôn luôn sẵn sàng trả với tỷ giá cao hơn tỷ giá Ngân hàng Nhà nước ấn định.

Nếu ngân hàng làm khó khăn cho Việt kiều và các du khách buộc họ phải kết hối ngay với giá thấp do Ngân hàng Nhà nước ấn định, thì cũng không có kết quả, vì du khách hay kiều bào sẽ không về hay đến Việt Nam nữa. Đã có lần Bộ Tài chính quy định người nhận tiền kiều hối qua ngân hàng phải đóng thuế, lập tức số kiều hối giảm ngay và sau đó Bộ Tài chính đã phải bỏ thuế đánh trên kiều hối. Do ngoại tệ là của kiều bào và du khách, nên họ có quyền chi như sao tùy ý. Nếu áp dụng biện pháp cứng đối với họ, sẽ mất con gà để trứng vàng.

Trong nền kinh tế thị trường, chỉ có một biện pháp đem lại kết quả tốt: là Ngân hàng Nhà nước sẵn sàng mua các ngoại tệ trôi nổi trên đây với giá cao hơn giá do các người buôn ngoại tệ đề nghị với du khách và kiều bào (biện pháp mềm khuyến khích).

Đồng thời đối với những người thu gom, nên áp dụng biện pháp cứng: tịch thu ngoại tệ nếu bắt được quá tang, phạt tiền rất nặng. Như vậy, sẽ có ít người dám làm nghề thu gom ngoại tệ để có ngoại tệ bán cho các người buôn lậu. Công an địa phương nhận được lệnh theo dõi và tìm bắt những người thu gom ngoại tệ. Với các biện pháp vừa cứng vừa mềm trên đây, sẽ thu được ít ra 70-80% kiều hối với USD du khách. Nếu còn khoảng 20-30% ngoại tệ kiều bào và du khách rơi vào tay những người thu gom, thì các người buôn lậu phải trả với giá cao hơn ngân hàng và do việc thu gom ngoại tệ có nhiều rủi ro hơn, nên những người thu gom ngoại tệ cũng đòi bán ngoại tệ với giá cao hơn. Từ đó giá hàng nhập khẩu lậu cũng tăng hơn và tạo điều kiện cho hàng nội hóa cạnh tranh thắng lợi so với các hàng ngoại.

Việc triệt hạ giới buôn ngoại tệ sẽ làm giới hạn mạnh lượng heroin, hàng nhập khẩu lậu được đưa vào Việt Nam. Với hàng nhiều tỷ USD từ du khách và kiều bào đưa vào Việt Nam, sẽ có thể xây dựng thêm mỗi năm nhiều nhà máy lọc dầu, đưa khí đồng hành vào bờ, lập thêm nhiều nhà máy điện đạm mỗi năm. Nạn hàng nhập khẩu lậu sẽ cơ bản chấm dứt vì thiếu ngoại tệ tài trợ. Kinh tế Việt Nam sẽ phát triển mạnh và nhịp phát triển kinh tế sẽ có thể tăng lên 10-12% do tác dụng tổng hợp của những biện pháp cứng: dùng công an, tình báo nhân dân đánh mạnh vào các điểm thu gom, phát hiện sớm và xử lý nghiêm các cán bộ hải quan và ngân hàng thoái hóa; cùng biện pháp mềm tăng tỷ giá thu mua USD trôi nổi. Xét cho cùng, nếu ngân hàng có mua với giá cao 20-30% so với tỷ giá chính thức, thì cũng không bị lỗ, vì vẫn có thể bán cho những người nhập khẩu hàng tiêu dùng xa xỉ với giá cao trên đây. Đồng thời du khách có nhận được thêm tiền Việt, thì cũng không lỗ là gì, vì họ sẽ tiêu dùng hết số tiền Việt đổi được tại Việt Nam chứ không mang các số tiền Việt về nước. USD kiều hối rất quý vì nó hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của Việt Nam và Việt Nam không tốn đổi giá gì khi nhận USD kiều hối. Do vậy, dù có trả thêm 20-30% cao hơn các USD xuất khẩu, thì vẫn còn lợi nhiều. Những người Việt Nam nhận được đổi giá USD kiều hối vẫn ở lại Việt Nam, và trước hay sau cũng tiêu xài hết số đổi giá này, kích cầu tăng nhanh và giúp Việt Nam thoát khỏi đình đốn. Như vậy, hai giải pháp: tăng giá mua kiều hối và can quét các điểm thu mua ngoại tệ lậu sẽ giải quyết được nhiều vấn đề gai góc của kinh tế VN hiện nay ■